

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22-11-2021

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Lý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Hải Long

Bà Nguyễn Bảo Phương Uyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Phú - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 369/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Nguyệt Y, sinh năm: 1969;

Địa chỉ: tổ T, thôn XT, xã XT1, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm: 1969;

Địa chỉ: tổ T, thôn XT, xã XT1, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Nguyễn Thị Nguyệt Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông M tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 17/12/1990 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Thọ, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống, càng ngày bà càng nhận thấy hai ông bà không

cùng quan điểm sống, không hiểu ý nhau nên hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Trước đây, bà nhiều lần bỏ đi nhưng vì con còn nhỏ nên bà lại quay về tiếp tục chung sống với ông M. Đến nay, các con bà đã lớn, còn ông M thì tính khí ngày càng khó chịu nên bà không muốn chung sống với ông M nữa. Thực tế, từ đầu năm 2021, bà cùng đã ra ngoài sống riêng. Bà nhận thấy bà không còn tình cảm với ông M, hôn nhân không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: hai ông bà có 03 con chung là Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày: 03/6/1991, Nguyễn Hoàng P, sinh ngày: 04/5/1994, Nguyễn Hoàng V, sinh ngày: 10/9/1999, các con bà đã trên 18 tuổi, đã có việc làm nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

** Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, bị đơn Nguyễn Ngọc M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà Y tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 17/12/1990 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Thọ, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống, ông nhận thấy không có mâu thuẫn gì. Do bà Y ngoại tình với một người khác nên mới yêu cầu ly hôn với ông. Ông yêu cầu bà Y phải làm thực hiện các thủ tục để lại toàn bộ tài sản cho các con thì ông mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: ông bà có 03 con chung là Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày: 03/6/1991, Nguyễn Hoàng P, sinh ngày: 04/5/1994, Nguyễn Hoàng V, sinh ngày: 10/9/1999, các con bà đã trên 18 tuổi, phát triển và làm việc bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: ông bà có tài sản chung là quyền sử dụng đất và nhà trên đất, ông yêu cầu bà Y phải cho lại các con.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nguyệt Y giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn Nguyễn Ngọc M được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “*Tranh chấp ly hôn*” giữa nguyên đơn Nguyễn Thị Nguyệt Y và bị đơn Nguyễn Ngọc M. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Ông M được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông M.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: bà Y và ông M tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 17/12/1990 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Thọ, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà Y trình bày: quá trình chung sống, càng ngày càng nhận thấy hai vợ chồng không cùng quan điểm, không hiểu ý nhau nên hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, đến nay, tính khí ông M ngày càng khó chịu nên bà không muốn sống chung với ông M. Đến đầu năm 2021, bà đã bỏ ra ngoài, không chung sống với ông M nữa. Bà Y nhận thấy không còn tình cảm với ông M, hôn nhân không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông M.

Ông M trình bày: quá trình chung sống, ông nhận thấy không có mâu thuẫn gì. Do bà Y ngoại tình với một người khác nên mới yêu cầu ly hôn với ông. Ông M cầu bà Y phải làm thực hiện các thủ tục cho các con toàn bộ tài sản thì ông mới đồng ý ly hôn. Tòa án đã yêu cầu ông M cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc bà Y ngoại tình nhưng ông M không thực hiện.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông M đến phiên hòa giải và phiên tòa nhưng ông M vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Hội đồng xét xử nhận thấy, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, tôn trọng và sống chung với nhau. Tuy nhiên, bà Y và ông M đã không còn chung sống, giữa hai ông bà không còn sự quan tâm, chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y đề nghị ly hôn với ông M.

Về con chung: bà Y, ông M có 03 con chung là Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày: 03/6/1991, Nguyễn Hoàng P, sinh ngày: 04/5/1994, Nguyễn Hoàng V, sinh ngày: 10/9/1999, các con bà đã trên 18 tuổi, phát triển và làm việc bình thường nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: bà Y trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông M trình bày tài sản chung có quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, ông yêu cầu bà Y phải làm thủ tục cho các con toàn bộ tài sản. Tòa án đã thông báo hợp lệ cho ông M nếu có yêu cầu giải quyết tài sản chung thì phải nộp đơn cho Tòa án kèm theo tài liệu, chứng cứ nhưng ông M không thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung của bà Y, ông M.

Về nợ chung: bà Y, ông M trình bày không có nợ chung.

[3] Về án phí: bà Y phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nguyệt Y. Bà Nguyễn Thị Nguyệt Y và ông Nguyễn Ngọc M được ly hôn.

2. Về án phí: bà Nguyễn Thị Nguyệt Y phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0003974 ngày 17/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị Nguyệt Y có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Ông Nguyễn Ngọc M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tp Đà Lạt;
- Chi cục THADS Tp Đà Lạt;
- UBND xã XT1, Tp Đà Lạt;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương Lý